

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN NÔNG CÔNG
TỈNH THANH HÓA**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 34/2019/HS-ST

Ngày 08-7-2019

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NÔNG CÔNG TỈNH THANH HÓA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Tình

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Đỗ Ngọc Phan

- Bà Lê Thị Dệt

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Thu Thảo - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Nông Công, tỉnh Thanh Hóa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nông Công, tỉnh Thanh Hóa tham gia phiên tòa: Bà Đỗ Thị Huế - Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 7 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Nông Công xét xử công khai vụ án Hình sự sơ thẩm thụ lý số 28/2019/TLST - HS ngày 08 tháng 5 năm 2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 36/2019/TLST-HS ngày 25 tháng 6 năm 2019 đối với bị cáo:

Lê Chung M, sinh ngày 10/12/1975 tại xã X, huyện T, tỉnh Thanh Hóa; nơi cư trú: thôn Y, xã T1, huyện N, tỉnh Thanh Hóa; nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ văn hóa: 2/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Lê Trung M1 và bà Nguyễn Thị L; có vợ là Nguyễn Thị H và 4 con, lớn nhất sinh năm 2003, nhỏ nhất sinh năm 2017; tiền án, tiền sự: không, bị tạm giữ từ ngày 29/01/2019 đến ngày 31/01/2019 chuyển tạm giam; hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Thanh Hóa; có mặt

- *Người bào chữa cho bị cáo:* Bà Nguyễn Thị Quế - Trợ giúp viên pháp lý thuộc Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Thanh Hóa.

- *Bị hại:* cháu Lê Thị H1, sinh ngày 14/7/2003

- *Người đại diện hợp pháp của bị hại:* Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1979 (mẹ đẻ của bị hại)

Cùng cư trú: thôn Y, xã T1, huyện N, tỉnh Thanh Hoá.

- *Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị hại:* Bà Nguyễn Thị Nữ Hoàng - Trợ giúp viên pháp lý thuộc Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Thanh Hóa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Tối ngày 28/01/2019 Lê Chung M bảo con gái là Lê Thị H dùng xe đạp chở Mạnh đến xã T2, huyện N để mua ti vi. Trên đường về, khi qua cánh đồng vắng người, M ngồi sau xe dùng tay sờ vào bộ phận sinh dục của H (sờ bên ngoài quần). H không đồng ý và dùng tay đẩy ra nhưng M vẫn tiếp tục sờ nên H nhảy xuống xe chạy bộ về nhà. H kể lại sự việc bị bố sàm sỡ cho mẹ nghe và nói “Con không thiết sống nữa”. Biết sự việc, chị H đưa con gái đến công an xã T1 báo cáo. Công an xã T1 đã báo cáo công an huyện Nông Cống. Sáng ngày 29/01/2019 M đến công an huyện Nông Cống đầu thú và khai báo hành vi phạm tội của mình.

Quá trình điều tra, M khai nhận ngoài lần thực hiện hành vi đối với H1 vào tối ngày 28/01/2019, M còn thực hiện hành vi này nhiều đối với H1 tại nhà riêng cụ thể: Khoảng năm 2017 và 2018 (không nhớ ngày tháng cụ thể), vào các buổi tối khi cả nhà đi ngủ, M ngủ ở chiếc phản kê dưới đất cạnh giường của mẹ con cháu H1 nằm, H1 nằm ngoài cùng (vì nhà M chỉ có 01 giường giành cho vợ và các con nằm). Sau khi cả nhà ngủ say, M dùng tay đưa vào bên trong quần, sờ vào bộ phận sinh dục của cháu H1 03 lần, mỗi lần như vậy khoảng 5 đến 6 phút thì cháu H1 tỉnh dậy phát hiện và đẩy tay M ra.

Bị hại Lê Thị H1 khai: Bố cháu là Lê Chung M đã có hành vi xâm phạm cháu nhiều lần, tuy nhiên cháu không nhớ cụ thể thời gian. Lần cháu nhớ nhất là vào tháng 01/2019 bố bảo cháu lấy xe đạp chở bố đi đến xã T2 lúc đó khoảng 20 giờ. Trên đường về bố ngồi sau xe dùng tay xoa vào bộ phận sinh dục của cháu (ở ngoài quần) sau đó cho cháu 25.000đ và dặn không được nói với mẹ, nhưng về cháu vẫn nói cho mẹ biết. Ngoài ra khi cả nhà đã ngủ say, bố thường xuyên xâm phạm cháu, nhiều lần bố dùng tay cho vào bên trong quần sờ vào bộ phận sinh dục của cháu, mỗi lần như vậy cháu thường nói cho mẹ biết.

Chị Nguyễn Thị H báo cáo: Sự việc chồng chị là Lê Chung M đã có hành vi xâm sỡ cháu con gái nhiều, chị biết và đã nhắc nhở nhưng M không dừng lại. Đến tối ngày 28/01/2019 M lại tiếp tục có hành vi xâm sỡ con gái nên chị đã đến Công an xã báo cáo sự việc.

Cơ quan điều tra (sau đây viết tắt là CQĐT) đã yêu cầu bị hại đi giám định

pháp y để xác định mức độ xâm hại nhưng bị hại, người đại diện hợp pháp của bị hại từ chối giám định.

Về trách nhiệm dân sự: Bị hại, người đại diện hợp pháp của bị hại không yêu cầu.

Bản cáo trạng số 31/CT-VKS ngày 07/05/2019 của Viện kiểm sát nhân dân (Sau đây viết tắt là VKSND) huyện Nông Công truy tố bị cáo Lê Chung M về tội “Dâm ô đối với người dưới 16 tuổi” theo điểm b, d khoản 2 Điều 146 Bộ luật hình sự (sau đây viết tắt là BLHS).

Tại phiên tòa:

- Kiểm sát viên phát biểu quan điểm luận tội giữ nguyên quyết định truy tố căn cứ khoản b,d khoản 2 Điều 146, Điều 38; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 BLHS đề xuất mức hình phạt đối với bị cáo M từ 42 đến 48 tháng tù. Về trách nhiệm dân sự: Bị hại, người đại diện hợp pháp của bị hại không yêu cầu bồi thường thiệt hại nên không đề nghị xem xét. Đề nghị miễn toàn bộ án phí HSST cho bị cáo.

- Bị cáo khai nhận hành vi phạm tội của mình. Lời nói sau cùng nhận thấy hành vi của mình là sai trái, vi phạm pháp luật, vi phạm đạo đức, hứa sửa chữa, không tái phạm, xin HĐXX giảm nhẹ hình phạt.

- Người bào chữa cho bị cáo đề nghị HĐXX áp dụng điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 BLHS giảm nhẹ mức hình phạt cho bị cáo và miễn toàn bộ án phí cho bị cáo.

- Bị hại, người đại diện hợp pháp của bị hại không yêu cầu gì và đề nghị HĐXX giải quyết theo quy định của pháp luật.

- Người bảo vệ quyền lợi và lợi ích hợp pháp cho bị hại đề nghị XĐXX giải quyết theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện trong phạm vi Tòa án xét điều hợp pháp.

[2] Lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của bị hại và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Như vậy đủ cơ sở chứng minh: Trong khoảng thời gian từ năm 2017, 2018 và tới ngày 28/01/2019, Lê Chung M đã nhiều lần có hành vi dùng tay sờ vào bộ phận sinh dục của cháu Lê Thị H1, sinh ngày 14/7/2003 là con gái của bị cáo. Cháu H1 đã có phản ứng không đồng tình và báo với mẹ là bà Nguyễn Thị H, bà H đã nhắc nhở nhiều lần nhưng bị cáo vẫn tiếp tục thực hiện hành vi dâm ô đối với cháu H1 dẫn đến việc tâm lý cháu H1 không ổn định, suy nghĩ tiêu cực đối với bản thân. Hành vi nêu trên của bị cáo đủ yếu tố cấu thành tội “Dâm ô đối với người dưới 16 tuổi” với 02 tình tiết định khung tăng nặng: Phạm tội 02 lần trở lên và đối với người mà người phạm tội có trách nhiệm chăm sóc, giáo dục, chữa bệnh quy định tại điểm b, d khoản 2 Điều 146 BLHS. Như vậy, cáo trạng của Viện kiểm sát truy tố bị cáo về tội “Dâm ô đối với người dưới 16 tuổi” quy định tại điểm b, d khoản 2 Điều 146 BLHS là đúng người, đúng tội, phù hợp quy định pháp luật.

[3] Đánh giá tính chất vụ án: Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội xâm phạm trực tiếp đến quyền được bảo vệ về thân thể, nhân phẩm, danh dự và sự phát triển bình thường về tâm sinh lý của trẻ em và người chưa thành niên, gây dư luận xấu trong nhân dân, làm ảnh hưởng đến đạo đức xã hội, thuần phong mỹ tục, phong tục tập quán tốt đẹp của dân tộc. Vì vậy, cần phải xử phạt nghiêm và cách ly bị cáo khỏi đời sống xã hội một thời gian dài với điều kiện môi trường cải tạo nghiêm khắc theo quy chế trại giam mới đủ để trừng trị, giáo dục, cải tạo bị cáo thành người tốt có ích cho bản thân, gia đình và xã hội đồng thời góp phần răn đe phòng ngừa chung.

[4] Xét các tình tiết khác thì thấy: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng mà có các tình tiết giảm nhẹ sau: Thành khẩn khai báo quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51, sau khi phạm tội đầu thú quy định tại khoản 2 Điều 51 BLHS nên khi quyết định hình phạt cần lượng giảm cho bị cáo 1 phần thể hiện sự khoan hồng trong chính sách hình sự của Nhà nước.

Trên cơ sở đánh giá toàn diện tính chất vụ án, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân bị cáo, HĐXX xét thấy cần áp dụng hình phạt tù cách ly bị cáo khỏi đời sống xã hội là phù hợp với quy định tại Điều 38 BLHS.

[5] Về trách nhiệm dân sự: Bị hại, Người đại diện của bị hại không yêu cầu nên HĐXX không xem xét.

[6] Về án phí: Bị cáo có tội bị kết án, nhưng thuộc diện hộ nghèo nên miễn toàn bộ án phí HSST cho bị cáo.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng điểm b, d khoản 1 Điều 146; Điều 38; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 BLHS:

Tuyên bố bị cáo Lê Chung M phạm tội “Dâm ô đối với người dưới 16 tuổi”.

Xử phạt bị cáo Lê Chung M 03 (ba) năm 06 (sáu) tháng tù. Hạn tù tính từ ngày tạm giữ (29/01/2019).

Về án phí: Áp dụng Điều 136 BLTTHS; Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội: Miễn toàn bộ án phí HSST cho bị cáo.

Án xử công khai có mặt bị cáo, người bào chữa cho bị cáo, bị hại, người đại diện hợp pháp của bị hại, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị hại. Bị cáo, bị hại, người đại diện hợp pháp của bị hại, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị hại được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Bị cáo;
- Bị hại; Người đại diện hợp pháp của bị hại;
- Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị hại;
- Người bào chữa cho bị cáo;
- VKSND huyện Nông Cống;
- VKSND tỉnh Thanh Hóa;
- Trại tạm giam Công an tỉnh Thanh Hóa;
- Công an huyện Nông Cống;
- TAND Tỉnh Thanh Hóa;
- Chi cục THADS huyện Nông Cống;
- Lưu hồ sơ; VT.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TÒA
(đã ký)

Nguyễn Văn Tình